

Số: 49 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 09/01/2022 đến 16h00 ngày 10/01/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc tới nay vượt hơn 308 triệu ca và hơn 5,5 triệu ca tử vong.

Nhiều nước ở khu vực châu Á đang có số ca mắc tăng. Tại Australia, số ca Covid-19 trong ngày lần đầu tiên vượt ngưỡng 100.000 ca, lên hơn 116.000 ca, tăng mạnh so với 78.000 ca một ngày trước đó.

Philippines cũng ghi nhận số ca nhiễm trong ngày lập kỷ lục mới với gần 26.500 ca vào ngày 8/1 mặc dù trước đó hai tuần, con số này chỉ khoảng 200 ca/ngày. Để ngăn chặn đà lây lan chưa từng có của Covid-19, khu vực đại đô thị Manila và nhiều tỉnh thành khác của Philippines đã ban hành nhiều biện pháp hạn chế mới.

Trong khi đó, ngày 8/1, Ấn Độ cũng ghi nhận xấp xỉ 142.000 ca mắc mới, cao nhất kể từ tháng 5/2021. Biến thể Omicron đã vượt biến thể Delta trở thành biến thể vượt trội ở các khu vực thành thị của Ấn Độ.

Ngày 8/1, số ca mắc mới tại Nhật Bản là 8.480 ca trong 24 giờ, trước đó từ mức vài trăm thậm chí vài chục ca mỗi ngày khoảng một tuần trước đó. Riêng thủ đô Tokyo chiếm hơn 1.200 ca, đánh dấu lần đầu tiên vượt mốc 1.000 kể từ tháng 9/2021 và tăng 16 lần so với cách đó một tuần.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 10/01/2022, cả nước ghi nhận 1.914.393 ca mắc, trong đó 1.909.923 ca trong nước. Đến nay đã có 1.590.090 người khỏi bệnh, 34.319 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.911.541 ca, trong đó có 1.908.353 ca trong nước (99,8%), 1.587.273 người đã khỏi bệnh (83%), 34.284 tử vong tại 52 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 14.818 ca mắc mới, trong đó 14.783 ca ghi nhận trong nước (giảm 968 ca so với ngày trước đó) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.830), Khánh Hòa (795), Bình Phước (640), Bình Định (609), Hải Phòng (592), Cà Mau (540), Tây Ninh (487), Đà Nẵng (453), Hồ Chí Minh (437), Vĩnh Long (404), Hưng Yên (379), Bắc Ninh (372), Bến Tre (370), Thanh Hóa (297), Quảng Ninh (294), Thừa Thiên Huế (271), Trà Vinh (251), Lâm Đồng (227), Bạc Liêu (206), Quảng Ngãi (202), Thái Nguyên (199), Hà Giang (189), Hậu Giang (187), Hải Dương (181), Vĩnh Phúc (180), Lạng Sơn (177), Nam Định (161), Quảng Nam (155), Gia Lai (142), Bà Rịa - Vũng Tàu (133), Cần Thơ (132), Bắc Giang (128), An Giang (126), Nghệ An

(124), Sóc Trăng (122), Hòa Bình (118), Đắk Nông (103), Sơn La (102), Ninh Bình (101), Kiên Giang (100), Đồng Tháp (96), Bình Thuận (94), Hà Nam (90), Quảng Trị (86), Thái Bình (83), Yên Bái (79), Phú Yên (77), Phú Thọ (68), Kon Tum (61), Lào Cai (60), Tuyên Quang (55), Bình Dương (55), Ninh Thuận (48), Hà Tĩnh (47), Đồng Nai (46), Quảng Bình (45), Cao Bằng (44), Tiền Giang (34), Bắc Kạn (27), Lai Châu (25), Điện Biên (25), Long An (22) và 35 ca nhập cảnh ghi nhận tại Quảng Nam (15), Quảng Bình (5), Tây Ninh (5), Quảng Ninh (4), Hà Nội (2), Hà Tĩnh (2), Quảng Ngãi (1), Hồ Chí Minh (1).

+ Có 28 ca nhập cảnh ghi nhận tại Quảng Nam (8), Tây Ninh (5), Nghệ An (3), Điện Biên (3), Hà Nam (2), Nam Định (2), Phú Thọ (1), Hải Phòng (1), Thanh Hóa (1), Hà Tĩnh (1), Quảng Trị (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.830 ca mắc, trong đó 1.017 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 385 ca tầm soát trong cộng đồng và 1.428 ca trong khu cách ly. Số mắc mới (2.830 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Long Biên 262, Thanh Trì 184, Thanh Xuân 178, Gia Lâm 163, Hà Đông 145, Ba Đình 134, Đống Anh 132, Thạch Thất 130, Đống Đa 125, Hai Bà Trưng 120, Chương Mỹ 119, Hoàng Mai 113, Bắc Từ Liêm 113, Nam Từ Liêm 112, Tây Hồ 111, Hoàn Kiếm 79, Sóc Sơn 66, Hoài Đức 65, Cầu Giấy 64, Phú Xuyên 58, Thường Tín 58, Đan Phượng 53, Ba Vì 41, Ứng Hòa 32, Sơn Tây 31, Quốc Oai 30, Thanh Oai 27, Phúc Thọ 23, Mê Linh 22, Mỹ Đức 14 và 26 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Hà Giang (giảm 303), Hải Phòng (giảm 244), Bà Rịa-Vũng Tàu (giảm 152).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Lạng Sơn (tăng 177), Gia Lai (tăng 142), Trà Vinh (tăng 113).

Đến nay (09/01/2022) Việt Nam đã ghi nhận 31 hợp nhiễm biến thể Omicron ở 3 Miền Bắc, Trung, Nam. Đây là các trường hợp này nhập cảnh Việt Nam từ 08 quốc gia (Anh, Mỹ, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Kenya, Ucraina, Qatar, Tây Ban Nha) trên 14 chuyến bay với tổng số 1.666 hành khách đi cùng, đã được cách ly, quản lý kịp thời ngay khi nhập cảnh; sức khỏe của các trường hợp trên ổn định. Hiện chưa ghi nhận các trường hợp nhiễm biến thể Omicron thứ phát tại nước ta.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 9.396 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 63,6% tổng số mắc trong ngày), giảm 821 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.402 ca cộng đồng (tăng 516 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 70.606 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 378 ca cộng đồng (tăng 2 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 14.204 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 1.825 ca, Bến Tre tăng 1.675 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Vĩnh Long (giảm 2.581 ca), Bạc Liêu (giảm 965 ca), Trà Vinh (giảm 854 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.587.273 người đã khỏi bệnh (83%), tăng 89.842 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 289.984 trường

hợp, trong đó có 6.358 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.620; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 858; (3) Thở máy không xâm lấn: 141; (4) Thở máy xâm lấn: 716; (5) EMO: 23.

- Trong ngày 09/01, ghi nhận 202 trường hợp tử vong (giảm 38 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (19) trong đó có 4 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: Bến Tre (1), Đồng Nai (1), Tiền Giang (1), Vĩnh Long (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: An Giang (21), Long An (15), Đồng Tháp (14), Vĩnh Long (14), Kiên Giang (13), Sóc Trăng (11), Cần Thơ (11), Đồng Nai (10), Tiền Giang (10), Bình Dương (9), Bến Tre (9), Bà Rịa - Vũng Tàu (8), Tây Ninh (5), Hậu Giang (5), Cà Mau (4), Bình Định (4), Trà Vinh (3), Khánh Hòa (3), Bình Thuận (3), Bạc Liêu (3), Đắk Lắk (2), Bắc Ninh (1), Quảng Ninh (1), Huế (1), Gia Lai (1), Đà Nẵng (1), Lâm Đồng (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường tiêm vaccine phòng COVID-19, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine phòng COVID-19 đảm bảo tiêm đủ liều cơ bản cho người từ 12 tuổi trở lên; rà soát không bỏ sót đối tượng tiêm chủng và tổ chức tiêm vét cho tất cả người dân có đủ điều kiện tiêm chủng được tiêm đủ liều vaccine.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong khu vực cách ly, khu phong tỏa.

- Tăng cường thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu về chiến lược thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong tình hình mới; không mặc cảm, kỳ thị những người nhiễm hoặc nghi nhiễm COVID-19; người dân về từ các địa bàn có nguy cơ chủ động khai báo với cơ quan y tế địa phương để được hướng dẫn theo dõi sức khỏe, lấy mẫu xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo quy định.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 09/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 36.774.831 mẫu cho 79.504.336 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 31.056.830 mẫu tương đương 75.756.397 lượt người, tăng 55.580 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.726.951 mẫu gộp cho 47.525.272 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 09/01/2022, Việt Nam đã tiếp nhận 206.549.238 liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

*** Theo loại vắc xin:**

- Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều
- Vắc xin Pfizer và Moderna: 88.321.360 liều
- Vắc xin Sinopharm: 51.761.200 liều
- Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- Sputnik V: 1.508.998 liều;
- Sputnik Light: 100.000 liều.

*** Theo nguồn vắc xin:**

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 103.268.210 liều
- + 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 47.868.210/51.000.000 liều vắc xin mua của PfiZer.
- + 20.000.000/20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000/5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.
- Nguồn viện trợ COVAX: 49.616.820 liều
- Nguồn viện trợ Chính phủ các nước: 26.780.810 liều
- Nguồn doanh nghiệp tài trợ: 26.883.398 liều (trong đó Tập đoàn Vạn Thịnh Phát hỗ trợ 25.000.000 liều vắc xin Sinopharm)..

Trong tổng số 206,5 triệu liều vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 116 đợt với tổng số 185 triệu liều, còn khoảng 21,5 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 09/01/2022, cả nước đã tiêm 161.277.807 liều (trong ngày tiêm được 1.248.099 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 87,2% số vắc xin phân bổ 116 đợt.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 147.346.994 liều, trong đó có 70.338.486 mũi 1; 65.183.660 mũi 2; 1.295.563 mũi 3 (vắc xin Abdala); 3.008.655 liều bổ sung và 7.520.630 liều nhắc lại. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 100% và tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản là 92,6% dân số từ 18 tuổi trở lên.

+ 36/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản trên 90%

+ 22/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều từ 80 – dưới 90%

+ 05/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều dưới 80% là Hưng Yên (78,4%), Nghệ An (76,8%), Hà Giang (73,7%), Cao Bằng (78,5%) và Sơn La (74,2%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm 13.930.813 liều, trong đó có 7.953.138 mũi 1 và 5.977.675 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 89,2% và tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản là 67,0% dân số từ 12 -17 tuổi.

32 tỉnh thành, phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Yên Bái, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Nông, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Tiền Giang, Long An, Lâm Đồng, Tây Ninh, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Phước, Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Từ ngày 27/4 đến ngày 10/01/2022, cả nước đã truy vết được 1.431.094 trường hợp F1, trong đó có 1.073.607 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Nhận định

Đến nay, tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, số ca mắc cộng đồng ở mức cao (trung bình hơn 10.700 ca/ngày) và số tử vong hơn 200 ca/ngày trong tuần qua; nhất là đã ghi nhận những trường hợp nhập cảnh (được cách ly ngay) nhiễm biến chủng Omicron. Thời gian tới, cần tiếp tục

tăng cường các biện pháp giám sát phòng chống dịch, nhất là thực hiện nghiêm công tác giám sát tại các điểm nhập cảnh để kịp thời phát hiện các trường hợp nhiễm biến chủng mới của vi rút; đẩy mạnh tốc độ tiêm chủng và tổ chức tiêm vắc xin, đảm bảo thuốc và ô xy y tế, chăm sóc, điều trị người nhiễm SARS-CoV-2 sớm, ngay tại cơ sở.

X. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ về chủ động phòng chống biến thể Omicron; tiếp tục huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và mọi người dân, đề cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm của người đứng đầu. Nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu là tiếp tục tập trung cao nhất cho công tác phòng, chống dịch COVID-19, thực hiện thành công Chương trình phòng chống dịch COVID-19 (2022-2023) góp phần quan trọng để thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội.

2. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, từng bước đảm bảo đủ số lượng, nâng cao chất lượng cho đội ngũ nhân viên y tế các tuyến; có các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp, triển khai kết luận của Bộ Chính trị tăng phụ cấp của nhân viên y tế dự phòng và y tế cơ sở lên 100%; sắp xếp bộ máy y tế nhất là y tế cơ sở một cách phù hợp theo quy mô dân số không theo địa giới hành chính.

3. Đẩy mạnh hơn nữa trong thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc xin, tổ chức tiêm an toàn, nhanh nhất. Khẩn trương hoàn thành việc tiêm mũi 2 cho người từ 18 tuổi trở lên; không để sót, đặc biệt người có bệnh nền, người trên 50 tuổi; hoàn thành tiêm mũi 2 cho người từ 12-18 tuổi trong tháng 01 năm 2022, mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên trong Quý I năm 2022, đặc biệt lưu ý các đối tượng thường xuyên di chuyển (18 đến 50 tuổi) và các nhóm đối tượng có nguy cơ cao mắc bệnh. Chủ động có kế hoạch, phương án tiêm vắc xin cho trẻ em từ 5 tuổi đến 11 tuổi theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, thực tiễn thế giới và Việt Nam.

4. Tăng cường quản lý người có nguy cơ cao (người có bệnh nền, người trên 50 tuổi, phụ nữ có thai, người người chưa tiêm đủ vắc xin phòng COVID-19 ở người trên 18 tuổi); thực hiện xét nghiệm tầm soát phát hiện người mắc COVID-19; chăm sóc và điều trị người mắc COVID-19 thuộc nhóm nguy cơ; bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ khi người sống chung, người cùng gia đình bị mắc COVID-19; hỗ trợ chăm sóc thể chất và tâm lý xã hội.

5. Tăng cường giám sát các trường hợp nhập cảnh, giám sát cộng đồng, thực hiện việc cách ly, giám sát y tế, giám sát sự biến thể của vi rút SARS-CoV-2. Tổ chức khoanh vùng ô dịch, điều tra truy vết, lấy mẫu xét nghiệm, đánh giá nguy cơ và áp dụng các biện pháp cách ly, phong tỏa phù hợp, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Mở rộng việc cách ly, quản lý điều trị bệnh nhân mắc COVID-19 tại nhà, nơi lưu trú, thu hẹp dần các khu cách ly tập trung.

6. Điều trị toàn diện, triệt để, giảm tử vong là ưu tiên hàng đầu; nâng cao năng lực y tế cơ sở, sẵn sàng về trang bị, nhân lực, thuốc điều trị, ô xy... Mở rộng triển khai mô hình Trạm Y tế lưu động và điều trị, quản lý các trường hợp F0 không có triệu chứng, triệu chứng nhẹ tại nhà; thành lập các mô hình đội tình nguyện, huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên... để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng, không để xảy ra tình

trạng người bệnh không liên hệ được với cơ sở y tế, không được tư vấn, cấp phát thuốc điều trị. Triển khai mở rộng sử dụng thuốc điều trị COVID-19.

7. Tăng cường công tác truyền thông nâng cao cảnh giác của người dân trước biến thể Omicron, không tụ tập đông người khi không cần thiết, thực hiện nghiêm 5K, tham gia tiêm vắc xin đầy đủ, đặc biệt những người nhập cảnh và gia đình phải thực hiện nghiêm việc khai báo y tế, hạn chế tiếp xúc với người xung quanh, không ra khỏi nơi lưu trú, xét nghiệm SARS-CoV-2 khi mới nhập cảnh theo quy định.

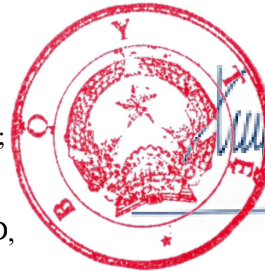
8. Cùng với các biện pháp phòng, chống dịch, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về bảo đảm an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và Chương trình phòng chống dịch COVID-19.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 09/01	Số mắc ngày 10/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 10/01	Số tử vong tích lũy đến 09/01
Có lấy nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		15.751	14.783	-968	1.908.151	34.284
1	Hồ Chí Minh	472	437	-35	508.247	20.094
2	Bình Dương	117	55	-62	291.501	3.293
3	Đồng Nai	95	46	-49	98.791	1.521
4	Tây Ninh	475	487	12	82.684	724
5	Hà Nội	2.811	2.830	19	70.606	183
6	Vĩnh Long	532	404	-128	48.543	475
7	Đồng Tháp	127	96	-31	45.761	679
8	Cà Mau	615	540	-75	43.843	222
9	Cần Thơ	152	132	-20	42.923	698
10	Khánh Hòa	790	795	5	40.908	204
11	Long An	32	22	-10	40.790	897
12	Bình Phước	679	640	-39	36.424	83
13	Tiền Giang	97	34	-63	34.660	1.027
14	An Giang	140	126	-14	34.399	1.128
15	Bạc Liêu	237	206	-31	32.766	292
16	Trà Vinh	138	251	113	32.460	158
17	Kiên Giang	120	100	-20	31.476	617
18	Sóc Trăng	117	122	5	31.326	410
19	Bến Tre	454	370	-84	29.321	252
20	BRVT	285	133	-152	27.718	250
21	Bình Thuận	88	94	6	27.291	321
22	Bình Định	636	609	-27	22.196	73
23	Hải Phòng	836	592	-244	17.751	10
24	T.T.Huế	255	271	16	16.135	84
25	Bắc Ninh	382	372	-10	15.235	18
26	Đà Nẵng	433	453	20	14.204	83
27	Hậu Giang	195	187	-8	14.063	87
28	Đắc Lắc				12.775	69
29	Lâm Đồng	228	227	-1	11.792	29
30	Thanh Hóa	293	297	4	10.593	11
31	Hà Giang	492	189	-303	9.511	7
32	Bắc Giang	126	128	2	9.313	14
33	Nghệ An	128	124	-4	9.032	36
34	Hưng Yên	410	379	-31	8.430	2
35	Gia Lai	0	142	142	8.328	22
36	Phú Yên	34	77	43	8.311	52
37	Quảng Nam	126	155	29	7.772	17
38	Quảng Ngãi	171	202	31	7.550	28
39	Ninh Thuận	41	48	7	6.206	53
40	Quảng Ninh	315	294	-21	6.159	4
41	Đắc Nông	103	103	0	6.120	14
42	Hải Dương	175	181	6	4.941	4
43	Nam Định	157	161	4	4.887	3
44	Vĩnh Phúc	170	180	10	4.539	6
45	Quảng Bình	74	45	-29	4.114	7

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 09/01	Số mắc ngày 10/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 10/01	Số tử vong tích lũy đến 09/01
46	Phú Thọ	118	68	-50	3.981	3
47	Thái Bình	113	83	-30	3.728	
48	Hà Nam	96	90	-6	3.352	
49	Thái Nguyên	162	199	37	3.337	1
50	Quảng Trị	63	86	23	2.903	2
51	Hòa Bình	169	118	-51	2.852	4
52	Lạng Sơn	0	177	177	2.244	7
53	Sơn La	38	102	64	2.125	
54	Hà Tĩnh	54	47	-7	1.770	5
55	Ninh Bình	140	101	-39	1.751	
56	Tuyên Quang	46	55	9	1.411	
57	Kon Tum	34	61	27	1.287	
58	Yên Bái	73	79	6	1.087	
59	Lào Cai	47	60	13	1.078	
60	Cao Bằng	28	44	16	977	1
61	Điện Biên	105	25	-80	974	
62	Bắc Kạn	71	27	-44	579	
63	Lai Châu	41	25	-16	320	
14 ngày qua không có lấy nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	15.751	14.783	-968	1.908.353	34.284

PHỤ LỤC 2

**PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 09/01/2022)**

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
1	Hà Nội	16.435.722	6.153.926	5.876.600	0	215.501	1.056.443	686.479	612.191	14.601.140	88,8%
2	Hải Phòng	3.810.090	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	93,8%
3	Thái Bình	2.719.140	1.144.852	1.172.051	89.472	62.325	49.119	149.066	45.288	2.712.173	99,7%
4	Nam Định	2.681.650	1.130.475	1.095.273	0	655	23.853	68.303	7.651	2.326.210	86,7%
5	Hà Nam	1.641.260	577.710	563.638	0	130.959	28.259	70.869	68.828	1.440.263	87,8%
6	Ninh Bình	1.528.080	636.194	622.073	0	0	6.938	82.166	76.878	1.424.249	93,2%
7	Thanh Hoá	6.499.440	2.308.654	2.135.637	228.432	0	3.111	275.971	109.115	5.060.920	77,9%
8	Bắc Giang	3.286.210	1.297.344	1.268.530	0	40.310	214.340	146.618	115.657	3.082.799	93,8%
9	Bắc Ninh	2.871.490	1.112.081	1.053.803	0	7.747	211.132	114.852	106.254	2.605.869	90,7%
10	Phú Thọ	2.119.850	964.132	862.588	0	7.011	3.613	124.342	66.675	2.028.361	95,7%
11	Vĩnh Phúc	2.102.590	784.254	693.192	0	0	0	56.306	267	1.534.019	73,0%
12	Hải Dương	3.194.630	1.244.044	1.155.965	0	10.596	188.911	155.641	98.028	2.853.185	89,3%
13	Hưng Yên	2.083.032	816.157	777.950	0	0	3.316	105.348	102.267	1.805.038	86,7%
14	Thái Nguyên	2.222.450	898.877	802.969	12.792	48.805	73.903	105.204	35.791	1.978.341	89,0%
15	Bắc Cạn	555.020	206.033	181.692	0	0	844	20.307	2.265	411.141	74,1%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
16	Quảng Ninh	3.125.858	977.873	922.770	0	4.934	470.464	119.421	110.336	2.605.798	83,4%
17	Hoà Bình	1.416.370	526.417	494.124	0	0	0	74.836	65.172	1.160.549	81,9%
18	Nghệ An	5.338.400	1.926.769	1.814.419	421.763	21.240	161.467	281.138	111.544	4.738.340	88,8%
19	Hà Tĩnh	2.210.410	796.372	693.207	0	81.337	67.110	112.599	99.483	1.850.108	83,7%
20	Lai Châu	726.790	251.897	238.045	0	29.552	34.481	50.624	44.720	649.319	89,3%
21	Lạng Sơn	1.426.030	493.515	478.713	0	0	61.141	66.303	61.925	1.161.597	81,5%
22	Tuyên Quang	1.283.540	551.784	458.216	0	0	25.307	1.870	37.738	1.074.915	83,7%
23	Hà Giang	1.442.780	483.392	425.865	150	835	33.105	81.232	53.541	1.078.120	74,7%
24	Cao Bằng	846.900	335.546	289.583	0	3.226	30.358	43.691	36.664	739.068	87,3%
25	Yên Bái	1.351.000	503.933	484.759	0	51.000	73.416	76.986	72.425	1.262.519	93,5%
26	Lào Cai	1.329.540	498.020	418.854	0	67.217	52.644	35.595	69.069	1.141.399	85,8%
27	Sơn La	1.663.490	768.046	619.598	1.540	0	31.034	91.711	64.412	1.576.341	94,8%
28	Điện Biên	950.340	329.248	294.862	0	28.281	48.274	62.029	49.871	812.565	85,5%
Cộng miền Bắc		76.862.102	29.376.975	27.420.283	754.149	852.700	3.001.934	3.411.549	2.472.259	67.289.849	87,5%
29	Quảng Bình	1.311.330	526.138	500.666	12.194	0	0	65.039	31.497	1.135.534	86,6%
30	Quảng Trị	1.166.892	425.391	402.267	9.152	3.894	11.222	54.771	24.567	931.264	79,8%
31	TT- Huế	2.049.056	783.045	727.196	0	119.680	42.400	101.908	90.687	1.864.916	91,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
32	Tp. Đà Nẵng	2.124.322	859.119	846.193	0	924	86.395	100.536	98.437	1.991.604	93,8%
33	Quảng Nam	2.674.520	1.032.677	980.711	28.204	7.158	3.672	116.249	25.856	2.194.527	82,1%
34	Quảng Ngãi	2.060.874	825.942	751.329	0	50	4.311	108.004	11.255	1.700.891	82,5%
35	Bình Định	2.591.440	1.034.267	950.677	41.813	2.006	25.518	138.139	6.948	2.199.368	84,9%
36	Phú Yên	1.540.534	617.454	567.593	0	728	38.080	84.111	56.900	1.364.866	88,6%
37	Khánh Hòa	2.556.500	959.401	915.010	0	108.475	95.130	114.752	111.222	2.303.990	90,1%
38	Ninh Thuận	1.196.730	428.369	391.150	0	55.030	45.902	59.046	52.585	1.032.082	86,2%
39	Bình Thuận	2.351.580	915.021	831.895	0	16.120	10.721	67.351	44.109	1.885.217	80,2%
Cộng miền Trung		21.623.778	8.406.824	7.864.687	91.363	314.065	363.351	1.009.906	554.063	18.604.259	86,0%
40	Kon Tum	933.970	322.436	287.662	2.437	0	5.153	50.473	43.948	712.109	76,2%
41	Gia Lai	2.456.352	964.770	820.821	58.014	1.500	74.850	156.607	96.289	2.172.851	88,5%
42	Đắk Lắk	3.094.980	1.232.256	1.117.280	0	1.421	10.652	190.971	61.239	2.613.819	84,5%
43	Đắk Nông	1.109.960	400.714	392.307	0	6.494	38.731	67.958	65.117	971.321	87,5%
Cộng Tây		7.595.262	2.920.176	2.618.070	60.451	9.415	129.386	466.009	266.593	6.470.100	85,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
Nguyên											
44	TP. HCM	19.179.770	7.453.882	6.700.137	0	409.770	2.466.589	675.804	619.983	18.326.165	95,5%
45	BR-VT	2.467.800	962.264	867.883	0	0	85.910	109.648	106.400	2.132.105	86,4%
46	Đồng Nai	5.970.350	2.711.218	2.311.594	0	0	18.571	176.220	126.759	5.344.362	89,5%
47	Tiền Giang	3.568.510	1.314.994	1.261.936	137.930	31.815	200.893	156.084	147.200	3.250.852	91,1%
48	Long An	3.894.950	1.493.665	1.436.070	0	7.475	171.608	168.930	145.471	3.423.219	87,9%
49	Lâm Đồng	2.572.464	970.961	937.730	0	220.567	67.096	133.818	110.960	2.441.132	94,9%
50	Tây Ninh	2.492.020	869.781	815.368	10.161	24.879	154.166	88.717	85.889	2.048.961	82,2%
51	Cần Thơ	2.570.048	921.613	1.200.752	5.840	61.756	36.687	105.400	49.006	2.381.054	92,6%
52	Sóc Trăng	2.547.520	887.380	774.990	0	0	0	116.852	104.545	1.883.767	73,9%
53	An Giang	3.810.362	1.352.498	1.332.890	181.536	206.616	94.004	196.936	179.599	3.544.079	93,0%
54	Bến Tre	2.561.610	996.605	956.429	0	260.403	118.410	106.786	99.329	2.537.962	99,1%
55	Trà Vinh	1.859.850	787.383	576.883	0	1.154	22.728	85.371	78.647	1.552.166	83,5%
56	Vĩnh Long	2.161.840	768.572	738.780	0	41.710	57.814	91.107	86.306	1.784.289	82,5%
57	Đồng Tháp	3.384.710	1.237.888	1.177.801	148	242.415	59.989	142.544	103.016	2.963.801	87,6%
58	Bình Dương	5.801.010	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	84,6%
59	Bình Phước	2.009.810	750.449	718.104	0	62.094	31.461	109.584	100.637	1.772.329	88,2%
60	Kiên Giang	3.502.710	1.230.739	1.118.153	53.985	0	12.489	141.009	135.305	2.691.680	76,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
61	Cà Mau	2.185.780	814.541	806.248	0	55.316	60.360	111.615	108.680	1.956.760	89,5%
62	Bạc Liêu	1.764.190	565.831	551.950	0	146.987	65.376	88.239	84.631	1.503.014	85,2%
63	Hậu Giang	1.466.150	529.919	500.754	0	37.457	26.209	74.042	70.468	1.238.849	84,5%
Cộng miền Nam		75.771.454	29.000.026	26.724.383	389.600	1.832.475	3.986.393	3.065.674	2.684.760	67.683.311	89,3%

Ghi chú:

- 8,2 triệu liều vắc xin đợt 114, 115, 116 mới có Quyết định phân bổ ngày 07/01/2022, các địa phương đang tiếp nhận vắc xin, chưa triển khai tiêm chủng
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 61.490 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.486.220 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.119.456 liều, trong đó có 574.592 mũi 1, 518.459 mũi 2 và 26.405 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,15 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 110.832 liều, trong đó có 59.893 mũi 1, 37.778 mũi 2 và 13.161 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 817.000 liều)

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 09/01/2022)

T T	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	19,4%	100,0%	90,6%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,0%	94,1%	3,9%	99,4%	30,2%
4	Nam Định	1.222.351	145.000	92,5%	89,6%	2,0%	47,1%	5,3%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,4%	92,1%	4,6%	98,1%	95,3%
6	Ninh Bình	701.740	81.762	90,7%	88,6%	1,0%	100,0%	94,0%
7	Thanh Hoá	2.605.729	292.547	88,6%	82,0%	0,1%	94,3%	37,3%
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,1%	95,9%	16,2%	86,9%	68,5%
9	Bắc Ninh	1.146.204	128.062	97,0%	91,9%	18,4%	89,7%	83,0%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,4%	85,4%	0,4%	96,6%	51,8%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	96,8%	85,6%	0,0%	44,4%	0,2%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	93,4%	86,8%	14,2%	93,8%	59,0%
13	Hưng Yên	992.340	127.980	82,2%	78,4%	0,3%	82,3%	79,9%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	97,9%	87,5%	8,0%	97,5%	33,2%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	95,3%	84,0%	0,4%	77,3%	8,6%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	95,8%	90,4%	46,1%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	92,3%	86,7%	0,0%	100,0%	88,4%
18	Nghệ An	2.362.582	312.022	81,6%	76,8%	6,8%	90,1%	35,7%

T T	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,1%	87,1%	8,4%	97,6%	86,2%
20	Lai Châu	262.150	56.900	96,1%	90,8%	13,2%	89,0%	78,6%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	97,5%	94,5%	12,1%	100,0%	94,2%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	93,9%	5,2%	2,6%	52,1%
23	Hà Giang	577.586	105.690	83,7%	73,7%	5,7%	76,9%	50,7%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	90,9%	78,5%	8,2%	98,7%	82,8%
25	Yên Bái	510.271	79.169	98,8%	95,0%	14,4%	97,2%	91,5%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	94,1%	11,8%	44,5%	86,4%
27	Sơn La	834.690	136.147	92,0%	74,2%	3,7%	67,4%	47,3%
28	Điện Biên	336.229	74.737	97,9%	87,7%	14,4%	83,0%	66,7%
Cộng miền Bắc		30.104.887	3.903.919	97,6%	91,1%	10,0%	87,4%	63,3%
29	Quảng Bình	550.834	79.538	95,5%	90,9%	0,0%	81,8%	39,6%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	93,8%	88,7%	2,5%	78,6%	35,2%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	93,2%	5,4%	98,8%	87,9%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,1%	95,6%	9,8%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,0%	90,3%	0,3%	82,8%	18,4%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	96,9%	88,1%	0,5%	94,0%	9,8%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	92,8%	85,3%	2,3%	94,3%	4,7%
36	Phú Yên	678.954	86.632	90,9%	83,6%	5,6%	97,1%	65,7%
37	Khánh Hòa	952.940	95.000	100,0%	96,0%	10,0%	100,0%	100,0%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	93,2%	10,9%	95,7%	85,2%

T T	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	92,2%	1,2%	49,6%	32,5%
Cộng miền Trung		8.677.814	1.135.568	96,9%	90,6%	4,2%	88,9%	48,8%
40	Kon Tum	338.741	60.751	95,2%	84,9%	1,5%	83,1%	72,3%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	86,4%	7,9%	90,2%	55,5%
42	Đắk Lắk	1.263.947	206.278	97,5%	88,4%	0,8%	92,6%	29,7%
43	Đắk Nông	404.872	72.059	99,0%	96,9%	9,6%	94,3%	90,4%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	512.618	98,7%	88,5%	4,4%	90,9%	52,0%
44	TP. HCM	7.300.000	760.000	100,0%	91,8%	33,8%	88,9%	81,6%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	90,7%	9,0%	97,3%	94,4%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	92,8%	0,7%	60,3%	43,4%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	97,0%	15,4%	98,5%	92,9%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	98,9%	11,8%	100,0%	86,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	99,9%	96,5%	6,9%	100,0%	84,2%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	91,8%	86,1%	16,3%	90,2%	87,3%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	97,2%	100,0%	3,9%	93,5%	43,5%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	89,4%	0,0%	104,7%	93,7%
53	An Giang	1.371.622	198.826	98,6%	97,2%	6,9%	99,0%	90,3%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	95,9%	92,1%	11,4%	100,0%	95,1%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	3,3%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	99,9%	96,1%	7,5%	99,4%	94,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	99,4%	94,6%	4,8%	89,3%	64,5%

T T	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	98,9%	94,7%	4,1%	100,0%	94,0%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	93,9%	1,0%	74,6%	71,5%
61	Cà Mau	857.571	126.690	95,0%	94,0%	7,0%	88,1%	85,8%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	98,8%	96,4%	11,4%	97,2%	93,2%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	98,8%	93,4%	4,9%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.632.305	3.365.584	100,0%	93,3%	13,9%	91,1%	79,8%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 08/01/2022 đến 16h00 ngày 09/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.853 lượt người (nhập cảnh: 2.064, xuất cảnh: 1.789).
- + Tuyến VN-TQ: 1.019 lượt người (nhập cảnh: 457, xuất cảnh: 562).
- + Tuyến VN-Lào: 2.327 lượt người (nhập cảnh 1.334, xuất cảnh: 993).
- + Tuyến VN-CPC: 507 lượt người (nhập cảnh 273; xuất cảnh: 234).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 956 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 622 người (VN-TQ: 4, VN-Lào: 391, VN-CPC: 227).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 174 người (VN-TQ: 69; VN-Lào: 4, VN-CPC: 94).
 - + Số người trao trả: 154 người (VN-TQ: 154; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 09/01/2022 tới ngày 10/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 653 lượt người (nhập cảnh: 193 lượt người; xuất cảnh: 460 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.041 lượt người (nhập cảnh: 776 lượt người; xuất cảnh: 265 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 10/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 43 tin/bài tiếng Việt; 50 ảnh trong nước và quốc tế; 76 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19; những điều cần biết về chứng COVID kéo dài...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN thông tin cập nhật những chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong năm 2022, gắn với phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội; nỗ lực của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam kịp thời triển khai các giải pháp linh hoạt nhằm đảm bảo tốt nhất quyền lợi người tham gia và an toàn phòng, chống dịch COVID-19, góp phần bảo đảm an sinh xã hội; việc nhân rộng các mô hình nhân đạo, hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống sau dịch COVID-19; các địa phương triển khai các biện pháp cụ thể, linh hoạt thích ứng nhằm bảo đảm an toàn phòng, chống dịch; phát huy vai trò các tổ chức đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Chữ thập đỏ... trong công

tác phòng, chống dịch; biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh với một số thông tin đáng chú ý: Nhật Bản xác nhận làn sóng dịch COVID-19 thứ 6 là do biến thể Omicron gây ra, tiếp tục cấm người nước ngoài nhập cảnh; Italy, Séc tăng cường mua thuốc điều trị COVID-19; Đức nghiên cứu mức độ chính xác của xét nghiệm nhanh kháng nguyên đối với việc phát hiện Omicron; Canada bắt buộc tài xế xe tải xuyên biên giới có chứng nhận tiêm vaccine ngừa COVID-19...

IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 08/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.887.000 cuộc gọi (ngày 07/01 đã tiếp nhận và xử lý hơn 16 nghìn cuộc gọi).

29/12	30/12	31/12	1/1/2	02/0	03/01	04/01	05/1	06/1	07/1	08/1
			2	1						
1621	1686	1615	1052	8989	1379	1325	1773	1789	1923	1614
9	1	2	4		6	6	0	6	2	2

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 08/01/2022 đã tiếp nhận hơn 308 nghìn cuộc (ngày 08/01/2022 đã tiếp nhận 96 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 08/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 08/01/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	29/12	30/12	31/12	01/01/22	02/1	03/1	04/1	05/1	06/1	07/1	08/1
Cuộc gọi đến	122	121	142	102	87	127	92	81	85	93	96

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 3.196.114 (= so với 08/01/2022, tăng 17.563 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 34,48% dân số, 49,60% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.658.190 điểm đăng ký

+ 185.621 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký:
209.399.263

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 160.033.186

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 152.638.201

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,38%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.721.671

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 14.270.783 (tăng 50.872 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 50.872 người

Hà Nội 7.728

Bắc Giang 28.896

Thừa Thiên Huế 4.439

Đồng Nai 2.483

Quảng Bình 3.075

Yên Bái 2.060

Thái Nguyên 804

Bắc Ninh 623

Đồng Tháp 328

Khánh Hòa 60

Bình Phước 139

An Giang 50

Vĩnh Phúc 103

Sóc Trăng 27

Bình Dương 21

Đắk Nông 27

Quảng Ninh 6

Lào Cai 2

Đà Nẵng 1
- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 5.360.938
(tăng 56.943 người)

Quảng Ninh 141

Hải Dương 262

Bãi Cháy 108

TPHCM 1.723

Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 187

Bình Định 12

Yên Bái 727

Thái Nguyên 116

An Giang 1

Bắc Giang 3.7311

Bắc Ninh 9.918

Bình Dương 6

Đà Nẵng 1

Đắk Nông 2

Đồng Nai 582

Đồng Tháp 18

Hà Nội 2.213

Khánh Hòa 324

Quảng Bình 910

Sóc Trăng 1

Thừa Thiên Huế 411

Tiền Giang 7

Vĩnh Phúc 89

Bệnh viện ĐK Tư nhân Hùng Vương 1

TTYT Thanh Thủy - Phú Thọ 4

Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 29

Bệnh viện sản nhi TWG Long An 37

Phòng khám đa khoa Bắc Hà - Bắc Ninh 26

SOVICO 591

Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng 12

Bệnh viện đa khoa Hòa Bình 63

Bệnh viện Hồng Ngọc 1.110

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...